

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cục Bách tác là tên gọi của

A. Các xưởng thủ công của Nhà nước.

B. Cơ quan quản lí việc đắp đê.

C. Các đồn điền sản xuất nông nghiệp.

D. Cơ quan biên soạn lịch sử.

Câu 2. “Đại Việt sử ký toàn thư, Hồng Đức bản đồ, Dư địa chí” là những công trình thuộc thời nào?

A. Thời Lý.

B. Thời Trần.

C. Thời Lê sơ.

D. Thời Nguyễn.

Câu 3. Các dân tộc ở Việt Nam được xếp vào mấy nhóm ngữ hệ?

A. 5 nhóm ngữ hệ.

B. 6 nhóm ngữ hệ.

C. 7 nhóm ngữ hệ.

D. 8 nhóm ngữ hệ.

Câu 4. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò của các nghề thủ công đối với đời sống kinh tế - xã hội của người Việt?

A. Đáp ứng nhu cầu của người dân.

B. Tạo ra nguồn hàng hóa xuất khẩu.

C. Đem lại việc làm cho người dân.

D. Là động lực chính phát triển kinh tế.

Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh điểm tương đồng về sản xuất nông nghiệp của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

A. Canh tác lúa và các cây lương thực.

B. Chủ yếu canh tác ở nương rẫy.

C. Canh tác lúa bằng ruộng bậc thang.

D. Chủ yếu canh tác ở đồng bằng.

Câu 6. Hiện nay, phần lớn dân tộc Chăm cư trú ở Ninh Thuận và Bình Thuận theo

A. Hin-đu giáo.

B. Phật giáo.

C. Thiên Chúa giáo.

D. Hồi giáo.

Câu 7. Loại nhạc khí nào của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên được đề cập đến trong câu đố sau:

“Lưng bằng cái thúng,

Bụng bằng quả bông,

Nằm võng tròn cong,

Vừa đi vừa hát”

A. Đàn T'rưng.

B. Cồng chiêng.

C. Khèn.

D. Tù và.

Câu 8. Nhận xét nào sau đây đúng về các chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước Việt Nam?

A. Mang tính toàn diện, khai thác mọi tiềm năng của đất nước.

B. Mang tính cụ thể, chỉ được triển khai trên một lĩnh vực nhất định.

C. Triển khai trên diện rộng nhưng thiếu trọng tâm và trọng điểm.

D. Thiếu tính sáng tạo, chưa phát huy được hiệu quả trên thực tế.

Câu 9. Ở thời kì cổ - trung đại, các vương triều đã thực hiện nhiều chính sách nhằm củng cố khối đoàn kết dân tộc, **ngoại trừ** việc

A. đoàn kết các tầng lớp nhân dân.

B. đề cao sự hòa thuận trong nội bộ triều đình.

C. đoàn kết các tộc người trong cộng đồng quốc gia.

D. đề cao tính tự trị, biệt lập giữa các dân tộc, vùng miền.

Câu 10. Các dân tộc Khơme, Ba Na, Xơ Đăng,... thuộc nhóm ngôn ngữ nào dưới đây?

A. Việt - Mường.

B. Môn - Khơme.

C. Hmông, Dao.

D. Tày - Thái.

Câu 11. Trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam có vai trò như thế nào?

A. Là nhân tố ổn định xã hội, tạo nền tảng xây dựng và phát triển đất nước.

B. Tạo nên sức mạnh quyết định cho mọi thắng lợi, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.

C. Đưa đất nước và nhân dân Việt Nam bước vào thời kì phát triển phồn thịnh.

D. Tạo sức mạnh để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế.

Câu 12. Nguyên nhân cốt lõi dẫn đến sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam là gì?

A. Yêu cầu trị thủy và nhu cầu đấu tranh chống ngoại xâm.

B. Sự thúc ép của các triều đại phong kiến.

C. Nhu cầu giao thương buôn bán.

D. Sự ảnh hưởng của văn hóa phương Tây.

Câu 13. Tổ chức nào sau đây có vai trò to lớn trong việc củng cố, mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam hiện nay?

A. Đảng Lao động Việt Nam.

B. Hội Văn hóa cứu quốc.

C. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

D. Hội Phản đế đồng minh.

Câu 14. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đem lại ý nghĩa nào sau đây đối với việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam?

A. Góp phần nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam.

B. Tạo nên sự đa dạng về văn hóa giữa các dân tộc.

C. Góp phần nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc.

D. Thúc đẩy kinh tế quốc gia phát triển nhanh và bền vững.

Câu 15. Nội dung nào sau đây **không** phải là chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay?

A. Mở rộng quan hệ đối ngoại với các quốc gia, khu vực.

B. Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất.

C. Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế các vùng miền núi.

D. Đào tạo cán bộ và đội ngũ trí thức dân tộc thiểu số.

Câu 16. Khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam được hình thành từ khi nào?

A. Từ thời Văn Lang - Âu Lạc.

B. Từ thời Bắc thuộc.

C. Từ thời Lý - Trần - Hồ.

D. Từ thời Đảng Trong - Đảng Ngoài.

Câu 17. Một trong những chính sách củng cố khối đại đoàn kết dân tộc của các triều đại phong kiến Việt Nam là

A. gả công chúa cho thủ lĩnh người dân tộc vùng biên giới.

B. chia ruộng đất trong cả nước cho mọi tầng lớp nhân dân.

C. xóa bỏ mọi tô thuế cho các dân tộc thiểu số ở miền núi.

D. luôn dùng quân sự buộc các tù trưởng miền núi thần phục.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:

Lối sống cổ truyền phổ biến của các dân tộc đều dựa trên nông nghiệp trồng lúa nước hoặc lúa rẫy là chính, kết hợp với chăn nuôi gia đình, hái lượm, săn bắt, đánh bắt cá; nghề thủ công (dệt vải, đan lát, rèn, làm gốm, làm mộc...) và kinh tế hàng hoá ở những trình độ khác nhau. Các dân tộc đều lấy làng làm tổ chức xã hội quan trọng, nhưng đa dạng về hình thức quần cư, kiểu dáng nhà cửa, truyền thống gia đình, xã hội và tôn giáo. Tín ngưỡng vạn vật hữu linh, đến nay vẫn phổ biến, là cơ sở cho những sinh hoạt lễ tục nhiều vẻ của phần đông nhân dân các dân tộc. Hiện nay, các dân tộc, ở những mức độ khác nhau, chịu ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

a. Ngành kinh tế chủ đạo của các dân tộc là các nghề thủ công.

b. Nền văn hóa cộng đồng các dân tộc rất phong phú, đa dạng.

c. Các nghề thủ công cổ truyền tiếp tục phát triển.

d. Các phong tục, tập quán của các dân tộc đã bị mai một, không được duy trì.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau:

Trên cơ sở chung sống lâu đời, các dân tộc đã cùng góp sức vào công cuộc xây dựng bảo vệ và phát triển đất nước. Xuất phát từ nhu cầu thủy lợi và trị thủy, phát triển nông nghiệp, đấu tranh chống lại các cuộc xâm lược của ngoại bang..., các dân tộc trên đất nước Việt Nam đã sớm hình thành tinh thần đoàn kết truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhà nước Việt Nam qua các thời kì cũng đã thực hiện nhiều chính sách nhằm xây dựng khối đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc. Chính quá trình này cũng góp phần hình thành khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam trong lịch sử.

(tr 101, SGK Lịch sử 10, Bộ Chân trời sáng tạo)

a. Khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam ra đời xuất phát từ nhu cầu trị thủy, đấu tranh chống ngoại xâm.

b. Các nhà nước Việt Nam trong lịch sử có nhiều chính sách nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

c. Trong lịch sử, khối đại đoàn kết dân tộc chỉ được biểu hiện thông qua các cuộc khởi nghĩa vũ trang.

d. Ngày nay, khối đại đoàn kết dân tộc không còn quan trọng như thời chiến tranh.

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 1. Sản xuất nông nghiệp của người Kinh và các dân tộc thiểu số có điểm gì giống và khác nhau?

Trả lời:

Điểm so sánh	Người Kinh	Các dân tộc thiểu số
Giống nhau	Đều phát triển nông nghiệp với đặc trưng là trồng lúa, bên cạnh đó là trồng các cây ăn quả, gia vị... và chăn nuôi gia súc, gia cầm...	
Khác nhau	Chủ yếu là trồng lúa nước, bên cạnh đó trồng cả sắn, ngô, củ quả.... Phải thường xuyên đắp đê, thau chua rửa mặn... Phát triển nuôi trồng, đánh bắt thủy – hải sản.	Trồng các cây trên cạn như: lúa nương, ngô, khoai, sắn, cây ăn quả... Lúa nước được trồng ở thung lũng chân núi hoặc ruộng bậc thang. Ít nuôi thủy hải sản, chủ yếu phát triển thủy hải sản qua ao, suối...

Câu 2. Hãy trình bày những điểm chung về tín ngưỡng, tôn giáo của người Kinh và các dân tộc thiểu số.

* Tín ngưỡng

Các tộc người trong cộng đồng dân tộc Việt Nam có tục thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên, thực hiện nghi lễ liên quan đến sản xuất nông nghiệp,... với những cách thức khác nhau.

* Về tôn giáo:

+ Tại Việt Nam có sự hiện diện của các tôn giáo lớn trên thế giới là Phật giáo, Đạo giáo, Hin-đu giáo, Hồi giáo, Công giáo,...Mức độ đậm nhạt của các tôn giáo này khác nhau tùy theo tiến trình lịch sử, theo vùng miền và theo tộc người.

+ Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên và dần trở thành tôn giáo có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của các dân tộc.

+ Hin-đu giáo được truyền bá vào Việt Nam từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên và có ảnh hưởng lên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Công giáo được truyền bá vào Việt Nam từ thế kỉ XVI và dần trở thành một trong những tôn giáo phổ biến trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

